TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 83/2025/QĐST-HNGĐ	*TP. T, ngày 05 tháng 03 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 34/2025/HNGĐ-TLST ngày 21 tháng 01 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Anh Dương Minh V, sinh năm 1988

Nơi cư trú: xóm T 2, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1989

Nơi cư trú: xóm T 2, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày ngày 25 tháng 02 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Dương Minh V và chị Nguyễn Thị M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Minh V và chị Nguyễn Thị M thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và thăm nom con sau khi ly hôn:

- *Về nuôi con chung*: Anh Dương Minh V và chị Nguyễn Thị M thỏa thuận:

+ Anh Dương Minh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Dương Tuấn A, sinh ngày 31/01/2013 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

+ Chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Dương Thuỷ T sinh ngày 10/02/2017 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hàng tháng nên không xem xét.

- *Về quyền thăm nom con*: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh V, chị M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3 Về tài sản chung: anh Dương Minh V có trách nhiệm trích chia công sức đóng góp cho chị Nguyễn Thị Minh số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án chị M (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án anh V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.4 Về công nợ chung: Không có.

2.5. Về án phí: anh Dương Minh V tự nguyện chịu 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000696 ngày 20/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Hoàn trả cho anh Dương Minh V 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị Nguyễn Thị M phải chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. T;
- CCTHADS TP. T;
- UBND xã Đ;
- Lưu: VP, HS.

Sái Đức Trung